

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2025/DS-PT

Ngày: 24 - 11 - 2025.

V/v: Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Thẩm phán: Ông: **Hoàng Văn Giang.**

Bà: **Nguyễn Thị Thủy.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Diệp Thu Trang** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà **Dương Thị Hương Liên** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2025/QĐPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đào Thanh M**, sinh năm 1955. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm L, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Quốc C** - Luật sư công tác tại Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1959; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh **Đào Văn B**, sinh năm 1994. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T - Chủ tịch UBND xã B, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Q - Chuyên viên phòng kinh tế. Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Điều vắng mặt.

3.2. Anh Đào Văn B, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

3.3. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Đào Thanh M, sinh năm 1955. Cùng địa chỉ: Xóm L, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đào Thanh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bản đồ địa chính xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên), diện tích 2786,9 m², loại đất NTS (đất nuôi trồng thủy sản), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 314384, cấp ngày 02/8/2012 mang tên ông Đào Thanh M và bà Bùi Thị S, tại xóm Đ, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Ông sử dụng thửa đất nêu trên kể từ khi mua năm 1995 cho đến nay không có tranh chấp, canh tác ổn định không bị ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc vì lý do bất khả kháng nào khác, một năm ông canh tác 02 vụ, gồm vụ chiêm từ tháng 1 đến tháng 5 hàng năm ông cấy lúa khi thu hoạch sản lượng đạt khoảng 1,2 tấn thóc, ông quy ra tiền VNĐ theo giá thị trường là khoảng 11.000.000 đồng - 12.000.000 đồng/01 vụ trồng lúa, vụ mùa từ tháng 5 đến tháng 11 hàng năm ông nuôi các loại cá như cá trắm, cá trôi, cá chép, cá mè... khi thu hoạch 01 vụ nuôi cá được khoảng 11.000.000 đồng - 12.000.000 đồng/01 vụ nuôi cá. Thu nhập từ việc trồng lúa và nuôi cá trên diện tích 2786,9 m² đất của ông, tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30 được khoảng 22.000.000 đồng - 24.000.000 đồng, trừ đi chi phí sản xuất, mua giống cá thì ông được lãi mỗi năm là từ 11.000.000 đồng – 12.000.000 đồng.

Để ông có thể trồng lúa, thu hoạch cá tại thửa ao này hàng năm ông nhiều lần phải tháo nước trong ao từ thửa 74 chảy qua đường mương ra ngoài. Ao nhà ông có bờ là thửa 58. Thượng lưu mương nước giáp thửa đất số 58 (bờ ao) tờ bản đồ số 30 của gia đình ông chảy dọc men theo dìa của các thửa đất 59, 60, 61 của bà Nguyễn Thị Y. Nguồn gốc của đường mương thoát nước có từ trước khi ông mua thửa đất ao năm 1995. Để đảm bảo cho đường mương nước chảy thông thoáng hàng năm ông là người thường xuyên phải khơi thông nạo vét mương, phát cỏ để nước từ trong ao của ông có thể chảy cạn được ra ngoài.

Năm 2022, bà Nguyễn Thị Y đổ đất lên thửa đất số 59, 60, 61 loại đất lúa của gia đình bà Y để trồng cây keo là những thửa đất liền kề với đường mương làm đất đá sạt xuống đường mương. Sau đó, bà Y cũng đã nhiều lần khôi phục

lại đường mương với chiều rộng mặt đường mương khoảng 1m, chiều sâu khoảng 2,5m, mặt đáy đường mương khoảng 70cm. Khoảng cuối tháng 8 năm 2025 gia đình bà Y cũng đã khai thông đường mương nhưng nếu gia đình ông thoát nước ao cũng không thể thoát cạn được. Hiện nay lượng nước trong ao từ mặt nước đến đáy cao khoảng 1,6 m với mương nước hiện trạng nếu ông cho thoát nước tối đa thì lượng nước còn lại từ đáy lên mặt khoảng 0,5 m. Ngay sau khi bà Y đổ đất dẫn đến không thoát nước được làm ngập úng chết lúa của ông đồng thời với lượng nước này ông M không thể tiếp tục trồng lúa và không thể tát cạn ao để thu hoạch cá nên ông không trồng lúa và không nuôi cá từ đó đến nay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông M khởi kiện yêu cầu bà Y phải bồi thường thiệt hại về tài sản do mất thu nhập từ việc nuôi cá và trồng lúa là 23.000.000 đồng tại phiên Toà sơ thẩm ông M yêu cầu bồi thường thêm thiệt hại về lúa và cá thêm 8.000.000 đồng. Tổng thiệt hại ông M đề nghị bồi thường là 31.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà Y khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với đường mương nước để đảm bảo dòng chảy được hết nước trong ao của ông, còn việc khắc phục mương nước cụ thể theo kích thước sâu rộng hay phương án như thế nào ông không biết đây là việc của bà Y, bà Y phải có trách nhiệm khắc phục. Trường hợp bà Y không khắc phục thì phải trả ông 4.000.000 đồng để ông tự làm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Y và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Đào Văn B trình bày:

Về vị trí mương nước như ông M trình bày là đúng. Anh B là con trai của bà Nguyễn Thị Y. Bà Y là chủ sử dụng của các thửa đất số 59, 60, 61, tờ bản đồ số 30 Bản đồ địa chính xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên) loại đất LUC (đất chuyên trồng lúa nước) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Men theo địa các thửa đất này là mương nước. Do thửa đất ruộng của bà Y ở phía dưới lại thấp hơn thửa đất ao của ông M, khi đó thửa đất của bà Y không canh tác gì (bỏ không) nên khi ông M tháo nước ao để thu hoạch cá hoặc trồng lúa là nước sẽ chảy chân ngập hết lên thửa ruộng của bà. Để không bị nước ao nhà ông M chảy tràn lên ruộng của bà, gia đình bà cũng thường xuyên nạo vét, khơi thông mương nước để thuận lợi cho dòng chảy. Vì mương là mương đất chưa xây dựng nên theo tự nhiên quá trình nước chảy mương cũng bị sạt lở đất đá ảnh hưởng đến dòng chảy.

Vào năm 2022 bà không có nhu cầu sử dụng để trồng lúa do không năng suất nên đã cho người san, đổ đất lên thửa 59, 60, 61 để trồng cây keo. Khi cho đổ đất đã tràn vào toàn bộ đường mương nước nhưng ngay sau đó bà đã khắc phục lại đường mương đảm bảo dòng chảy, lưu thông nước bình thường. Qua thời gian theo tự nhiên đất của hai bên bờ đường mương bị lở xuống lòng mương đồng thời cỏ dại mọc nên đã làm ảnh hưởng đến dòng nước chảy, đặc biệt vào năm 2024 sau cơn bão Yaghi thì đất của hai bên bờ đường mương lại đổ xuống lòng mương nhiều hơn, không có người đi nạo vét và phát cỏ nên nước không còn chảy được nhiều như ban đầu, dẫn đến việc ông M tháo nước đi không cạn nước xuống tận lòng đất ao được. Gia đình biết việc tự ý đổ đất vào

thửa 59, 60, 61 là vi phạm việc sử dụng đất. Theo yêu cầu của ông M bà Y đã nhiều lần cho người khắc phục đường mương nước chảy, nước trong mương đã được lưu thông bình thường. Cuối tháng 8 năm 2025 bà Y đã tiếp tục cho người đi khắc phục mương nước, hiện mương vẫn thoát nước bình thường, không ảnh hưởng dòng chảy. Với mương hiện tại đảm bảo ông M tháo được cạn nước trong ao. Nay, ông M khởi kiện yêu cầu bà Y phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 31.000.000 đồng và khắc phục lại đường mương nước như ban đầu phía bị đơn không đồng ý. Vì đường mương nước hiện tại vẫn đảm bảo lưu thông nước và đất nhà ông M là đất ao không phải đất trồng lúa nên không đồng ý bồi thường thiệt hại về lúa. Mực nước trong ao của ông M đảm bảo cho ông M nuôi cá bình thường nhưng ông M không nuôi nên không đồng ý bồi thường thiệt hại về cá.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S uỷ quyền cho chồng là ông Đào Thanh M: Nội dung trình bày giống như phần trình bày của nguyên đơn ông Đào Thanh M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên do ông Trần Văn Q đại diện theo uỷ quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại văn bản số 255/UBND-KT, ngày 19/8/2025 xác định:

- Về nguồn gốc đường mương thoát nước mà hiện ông Đào Thanh M khởi kiện bà Nguyễn Thị Y, đường mương nước liền kề với các thửa đất số 59, 60, 61 tờ bản đồ số 30, bản đồ địa chính xã B, tỉnh Thái Nguyên, đường mương này đã có từ rất lâu, thời điểm hình thành đường mương chính quyền địa phương không rõ thời gian cụ thể, chính xác. Về việc sử dụng đường mương là các hộ dân có diện tích đất liền kề hoặc lân cận sử dụng chung, tự quản lý và tự khơi thông để đảm bảo cho dòng nước chảy qua đến năm 2010 do đặc bản đồ địa chính thì đường mương mới được đo vẽ và được thể hiện trên bản đồ địa chính.

- Về thẩm quyền quản lý đường mương hiện nay thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên, đường mương không nằm trong diện tích đất của hộ gia đình nào.

Tại biên bản xác minh đối với diện tích 2786,9 m² đất, thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30, bản đồ địa chính xã B, tỉnh Thái Nguyên, loại đất NTS (đất nuôi trồng thủy sản), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 314384, cấp ngày 02/8/2012 mang tên hộ ông Đào Thanh M và bà Bùi Thị S, tại xóm Đ, xã B, tỉnh Thái Nguyên, được xác định loại đất này nhà nước giao mục đích sử dụng là nuôi trồng thủy sản nên chỉ được phép sử dụng đúng mục đích nhà nước giao.

Nay giữa ông M và bà Y xảy ra tranh chấp, sự việc đề nghị Tòa xem xét giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 157, 165, 227, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 584, 588, 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Thanh M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Y phải bồi thường thiệt hại về tài sản do mất thu nhập từ việc cấy lúa, nuôi cá là 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng) và yêu cầu bà Y khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với đường mương nước liền kề các thửa 59, 60, 61, tờ bản đồ số 30 Bản đồ địa chính xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên).

2. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết về việc sử dụng đất không đúng mục đích nhà nước giao đối với bà Nguyễn Thị Y theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Ông Đào Thanh M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Đào Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 575.000đ (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 006449 tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Ông Đào Thanh M phải chịu 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Đào Thanh M đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và đã chi phí xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn ông Đào Thanh M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét lại bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Đào Thanh M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị Y phải bồi thường thiệt hại cho ông tổng số tiền là 28.372.000 đồng bao gồm: tiền thiệt hại 02 vụ lúa là 16.572.000 đồng và 02 vụ cá là 11.800.000 đồng. Khắc phục đường cấp thoát nước ổn định như trước đây để gia đình ông tiếp tục sử dụng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn B không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Thái Nguyên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải, trình tự thủ tục tại phiên toà sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm đúng theo các quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B vắng mặt. Các đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng những người vắng mặt đã có lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ của vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết, xét xử của Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Xét toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Thanh M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn ông M cho rằng bị đơn đã đổ đất vào ruộng các thửa 59, 60, 61, 62, tờ bản đồ số 30 làm tắc mương thoát nước gây thiệt hại về tài sản cho gia đình nên phải bồi thường số tiền 28.372.000 đồng cho ông.

Phía bị đơn không nhất trí bồi thường vì cho rằng có việc đổ đất lên các thửa 59, 60, 61, 62 lấp mương nước nhưng bị đơn đã khắc phục lại và vẫn đảm bảo việc nước lưu thông bình thường. Ngoài ra, bị đơn cho rằng việc gia đình nguyên đơn mỗi lần tháo ao nước thoát ra nhanh là vì đã chảy tràn vào ruộng của bị đơn vì vị trí ruộng của bị đơn thấp hơn. Đất nhà ông M là đất ao không phải đất trồng lúa nên không đồng ý bồi thường thiệt hại về lúa.

Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố: Phải có thiệt hại xảy ra; Phải có hành vi trái pháp luật; Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật và ngược lại hành vi trái pháp luật là nguyên nhân gây ra thiệt hại; Phải có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại.

Các đương sự đều khẳng định có sự việc anh B con bà Y đổ đất vào các thửa ruộng của bà Y làm lấp mương nước, sau khi sự việc xảy ra, phía bị đơn cũng có khắc phục đào lại mương, khơi thông dòng chảy. Bị đơn cho rằng đã khắc phục lại và đảm bảo nước vẫn thoát ra như trước đây. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng không khắc phục như cũ ban đầu trước khi san ủi nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng mương nước ban đầu khi chưa bị lấp cụ thể thế nào, khi mương nước bị lấp và gia đình bị đơn đã khắc phục ảnh hưởng đối với dòng chảy ra sao so với ban đầu...Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều trình bày là mương nước không phải là của riêng gia đình nguyên đơn mà là mương nước sử dụng chung cho cộng đồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng nếu mương nước được sử dụng chung của cộng đồng thì mọi người nếu sử dụng đều phải có trách nhiệm tôn tạo, sửa chữa để sử dụng chung và phía nguyên đơn cũng phải có trách nhiệm. Nếu sử dụng mương nước với mục đích tháo ao để thu hoạch cá nếu dòng chảy trong mương chưa thông thì gia đình nguyên đơn cũng có thể tự khai thông dòng chảy để thu hoạch cá...Phía UBND xã B cung cấp thông tin mương nước do UBND xã quản lý, hiện nay chưa được đầu tư xây dựng theo kênh mương nội đồng, hiện vẫn là mương đất nên mỗi khi mưa lớn có thể sẽ bị sạt lở đất xuống lòng mương nên gây ảnh hưởng đến dòng chảy. Nên việc nguyên đơn cho rằng việc gia đình bà Y đổ đất lấp mương nước gây ảnh hưởng đến dòng chảy của mương nước không phải là nguyên nhân duy nhất mà còn có nhiều yếu tố khác trong đó có cả yếu tố tự nhiên.

Ngoài ra, việc thoát nước ở ao qua đường mương để thu hoạch cá không phải là biện pháp duy nhất, ngoài việc rút cạn ao để thu hoạch cá ngoài đường mương thoát nước thì còn có nhiều biện pháp khác để thu hoạch. Do vậy, nguyên đơn đưa ra lý do nước không tháo cạn qua đường mương thì không thu hoạch được cá để yêu cầu bồi thường là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại 02 vụ cá với số tiền là 11.800.000 đồng với những căn cứ như đã nêu trên là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông M do không trồng được lúa với số tiền là 16.572.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông M, bà S được cấp số BI 314384 có diện tích 4327,9 m² gồm 02 thửa là: thửa 74 và thửa 91, tờ bản đồ số 30, mục đích sử dụng là NTS - nuôi trồng thủy sản, cấp ngày 02/8/2012 cấp cho hộ ông Đào Thanh M, bà Bùi Thị S, không phải mục đích là trồng lúa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Luật đất đai năm 2013 quy định về nghĩa vụ chung của người sử dụng đất: “1. Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất...”. Do đó, ông M tự ý sử dụng đất nuôi trồng thủy sản sang trồng lúa là không đúng mục đích sử dụng mà nhà nước đã cấp quyền sử dụng trong khi chưa chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định tại Điều 157 của Luật đất đai năm 2013. Do đó, yêu cầu này của ông M là không có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do mất thu nhập từ việc nuôi cá và trồng lúa là 28.372.000 đồng. Nhưng chỉ đưa ra lời trình bày là có việc nuôi cá, trồng lúa hàng năm và không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh thực tế việc nuôi cá nên không chứng minh được thiệt hại thực tế là bao nhiêu.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan toàn bộ các chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ pháp luật. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, cần bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại 02 vụ cá và 02 vụ lúa với số tiền là 28.372.000 đồng vì phía bị đơn có hành vi san ủi lấp mương nước gây ảnh hưởng đến dòng chảy dẫn đến việc nguyên đơn không thu hoạch được cá và căn cứ vào các quy định tại Điều 139, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 để cho rằng việc ông M sử dụng đất để trồng lúa là vẫn đảm bảo quy định của pháp luật. Tuy ông M được cấp quyền sử dụng đất là nuôi trồng thủy sản nhưng pháp luật cũng không có quy định cấm nên ông M trồng lúa vẫn là đúng mục đích sử dụng. Những căn cứ đưa ra của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là hoàn toàn không có cơ sở như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 38, Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Thanh M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đào Thanh M.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 4 - Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích HP;
- Phòng THA khu vực 4 - Thái Nguyên;
- THA Dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Anh Tuấn